

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

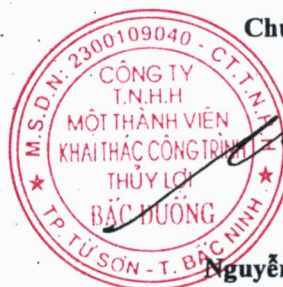
Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch



Nguyễn Văn Ty



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

☎ Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ 08 2509 2007

● 0102374170

✉ asco@ascovn

🌐 www.ascovn



Số 14/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Ban lãnh đạo

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống được lập ngày 05 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2023, số tiền: 5.659.786.903 đồng. Với các tài liệu được cung cấp và bằng những thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không thể giúp chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu, tính đánh giá và chính xác của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Kế hoạch vốn theo tờ trình số 1341/T.Tr-BĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Bắc Đuống chưa được Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4887-2024-149-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đức Mạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 6142-2023-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		26.373.434.349	34.093.477.462
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.538.228.455	11.780.655.314
111 1. Tiền		19.531.228.455	11.780.655.314
112 2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.318.861.856	21.623.168.308
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	327.172.431	328.672.707
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.343.767.000	18.975.110.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	647.922.425	2.319.385.601
140 IV. Hàng tồn kho	7	1.513.693.326	637.211.001
141 1. Hàng tồn kho		1.513.693.326	637.211.001
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.650.712	52.442.839
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	-	50.000.000
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	2.650.712	2.442.839
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.173.523.631.250	2.111.802.458.054
220 II. Tài sản cố định		1.347.448.858.726	1.258.483.476.126
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.347.448.858.726	1.258.483.476.126
222 - Nguyên giá		1.470.942.559.677	1.375.788.777.677
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(123.493.700.951)	(117.305.301.551)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228 - Nguyên giá		304.466.000	304.466.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(304.466.000)	(304.466.000)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		826.027.918.842	853.318.981.928
241 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	1.545.955.875
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	826.027.918.842	851.773.026.053
260 VI. Tài sản dài hạn khác		46.853.682	-
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	46.853.682	-
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.199.897.065.599	2.145.895.935.516

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		22.971.352.515	17.747.556.418
310 I. Nợ ngắn hạn		22.971.352.515	17.747.556.418
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	12.111.175.877	8.373.395.702
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.240.831.880	482.848.231
319 3. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.521.600.456	4.988.561.744
322 4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.097.744.302	3.902.750.741
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.176.925.713.084	2.128.148.379.098
410 I. Vốn chủ sở hữu	15	2.176.716.394.584	2.127.939.060.598
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.358.319.743.347	1.274.610.040.347
422 2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		818.396.651.237	853.329.020.251
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		209.318.500	209.318.500
432 1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		209.318.500	209.318.500
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.199.897.065.599	2.145.895.935.516

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	148.855.450.716	148.492.414.750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.855.450.716	148.492.414.750
11	4. Giá vốn hàng bán	17	139.049.527.196	139.129.769.694
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.805.923.520	9.362.645.056
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	122.861.485	55.686.358
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	9.945.666.613	9.941.274.058
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.881.608)	(522.942.644)
31	11. Thu nhập khác	20	52.761.608	578.125.244
32	12. Chi phí khác	21	35.880.000	55.182.600
40	13. Lợi nhuận khác		16.881.608	522.942.644
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		-	-
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.000.000.000	11.615.453.479
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(122.861.485)	(55.686.358)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.877.138.515	11.559.767.121
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		1.625.901.897	477.311.009
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(876.482.325)	23.113.266
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả		1.291.022.361	(69.588.780)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		50.000.000	23.610.000
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.316.000.000	10.114.675.766
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.932.607.039)	(9.128.054.982)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.350.973.409	13.000.833.400
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(716.261.753)	(6.481.631.800)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		122.861.485	55.686.358
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(593.400.268)	(6.425.945.442)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.757.573.141	6.574.887.958
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.780.655.314	5.205.767.356
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	19.538.228.455	11.780.655.314

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300109040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 582 đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 573 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 546 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ khai thác các công trình thủy lợi, tưới tiêu nước nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đề điều, kênh mương, giám sát công trình thủy lợi đến cấp I.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống - Xí nghiệp Dịch vụ Tư vấn và Xây dựng	Bắc Ninh	Tư vấn, thiết kế, sửa chữa công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Từ Sơn	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Tiên Du	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Yên Phong	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Quế Võ	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp đầu mối Trịnh Xá - Long Từu	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và các quy định có liên quan, các tài sản còn lại được trích khấu hao theo nguồn khấu hao cơ bản được cấp.

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty; những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	5.659.786.903	3.245.118.773
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.871.441.552	8.535.536.541
Các khoản tương đương tiền	7.000.000	-
	19.538.228.455	11.780.655.314

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Nội	303.648.541	-	305.148.817	-
UBND huyện Gia Lâm	23.523.890	-	23.523.890	-
	327.172.431	-	328.672.707	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Châu Cầu	4.339.309.000	-	4.339.309.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí 3IG	-	-	8.136.843.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy Lợi	-	-	3.864.678.000	-
Công ty TNHH Phương Thành	-	-	2.093.926.000	-
Các khoản trả trước người bán khác	4.458.000	-	540.354.000	-
	4.343.767.000	-	18.975.110.000	-

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngân sách cấp	386.746.216	-	353.178.813	-
Kinh phí cho các Xi nghiệp	258.973.009	-	1.966.206.788	-
Bảo hiểm xã hội	2.203.200	-	-	-
	647.922.425	-	2.319.385.601	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.504.296.260	-	627.813.935	-
Công cụ, dụng cụ	9.397.066	-	9.397.066	-
	1.513.693.326	-	637.211.001	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê (i)	211.015.254.500	211.015.254.500
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh (ii)	176.890.685.908	174.050.685.908
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hậu (iii)	62.145.691.750	62.145.691.750
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên (iv)	52.146.600.000	52.146.600.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 (v)	49.696.507.000	49.696.507.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Phúc Lộc (vi)	39.399.830.500	39.399.830.500
Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (trong đồng) (vii)	25.962.849.800	25.962.849.800
Các dự án khác	208.770.499.384	237.355.606.595
	826.027.918.842	851.773.026.053

Thông tin chi tiết các Dự án lớn

(i) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê

- Địa điểm: Sông Ngũ Huyện Khê - Bắc Ninh;
- Mục đích: Nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ, tạo hồ điều hòa điều tiết, tưới tiêu và tạo cảnh quan môi trường; phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 11/12/2015;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Xây dựng khu nhà quản lý trạm bơm Đặng Xá, 05 cống dọc hai bên bờ sông, đập điều tiết Phú Lâm, củng cố bờ mặt đê và hoàn thiện các dốc lên đê, kè gia cố mái sông;
- Tổng mức đầu tư: 69.294 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2009 đến hết năm 2016;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(ii) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Nạo vét, hoàn thiện hệ thống kênh tiêu và công trình trên kênh phê duyệt tại Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 31/12/2016;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Xây dựng trạm bơm tiêu Hữu Chấp với quy mô 05 tổ máy bơm chìm đứng, lưu lượng mỗi tổ máy là Q=18.000 m³/h. Các hạng mục xây dựng bao gồm: Nhà trạm, nhà quản lý, bể hút, bể xả, cống qua đê, lắp đặt hoàn chỉnh các tổ máy bơm, đường dây trung áp, trạm biến áp và các công trình phụ trợ sân vườn, đường nội bộ, cống, tường rào, bảo vệ;
- Tổng mức đầu tư: 279.952 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2021; Dự án đang xin chủ trương gia hạn.
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

(iii) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hậu

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Xây dựng trạm bơm theo Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 28/10/2010;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Tháo dỡ trạm biến áp hiện có để giải phóng mặt bằng thi công nhà trạm, xây dựng trạm biến áp mới đặt trong khu quản lý, trạm biến áp xây dựng mới gồm 1 máy biến áp công suất 1000kVA-10(22)/0,4kV, và 1 máy biến áp có công suất 320kVA-22/0,4kV, nguồn điện cao thế cấp cho trạm bơm được sử dụng đường dây 22kv hiện có, kéo bổ sung đường dây 22kV từ cột cuối đến trạm biến áp mới có chiều dài 40m phê duyệt tại Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 24/3/2016;
- Tổng mức đầu tư: 92.902 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành trước 31/12/2017;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(iv) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Để phục vụ tiêu, thoát nước cho lưu vực trong quá trình thi công trạm bơm Xuân Viên phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28/7/2017;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Bổ sung lắp đặt trạm bơm, xây dựng cống mới, bổ sung xây dựng cửa lấy nước từ bể xả trạm bơm Xuân Viên nối tiếp vào cống tưới hiện có, mở rộng bờ kênh kết hợp đường giao thông đoạn từ điều tiết cống tưới đầu kênh N4 đến điểm giao cắt với đường mặt đê Hữu Cầu, nạo vét, khơi thông đoạn từ cuối kênh tiêu Xuân Viên Đông và kênh tiêu Hữu Cháp;
- Tổng mức đầu tư: 67.232 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành năm 2018;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(v) Tên dự án: Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1

- Địa điểm: Xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 theo Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Điều chỉnh thiết kế xây dựng một số hạng mục công trình: nhà máy, bể hút, bể xả, kênh xả, cống xả tiêu qua đê, cống xả tưới, cống cuối kênh T1, cống cuối kênh T2, cầu máng dẫn nước tưới phê duyệt tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Tổng mức đầu tư: 64.051 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2020;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(vi) Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc

- Địa điểm: Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Giải quyết cơ bản tình trạng hạn hán, úng ngập tạo tiền đề vững chắc để phát triển nông nghiệp;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Đảm bảo tiêu thoát nước kịp cho 559,84 ha đất nông nghiệp, dân cư, công nghiệp và của các xã Châu Phong, Đức Long, huyện Quế Võ. Giải quyết cơ bản tình trạng úng ngập, tạo tiền đề vững chắc để phát triển kinh tế xã hội, cải thiện, nâng cao đời sống của người dân; trong khu vực dự án phê duyệt tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/10/2016;

CÔNG TY TNHH

- Tổng mức đầu tư: 48.142 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Trong giai đoạn 2016-2018;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(vii) Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (trong đồng)

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Giải quyết cơ bản tình trạng hạn hán, úng ngập tạo tiền đề vững chắc để phát triển nông nghiệp địa phương trong vùng dự án, góp phần chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp bền vững theo định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản xuất, sản lượng cây trồng, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và các nguồn vốn khác (nếu có);
- Quy mô dự án: Xây dựng khu đầu mối trạm bơm Thọ Đức (trong đồng) gồm những hạng mục: nhà trạm, bể hút, bể xả, cống xả qua đê, dốc nước, bể tiêu năng và kênh dẫn xả; Xây dựng hệ thống đường điện; Lắp đặt 05 tổ máy bơm tiêu có lưu lượng mỗi tổ máy $Q=3500\text{m}^3/\text{h}$ và 01 máy bơm tưới có lưu lượng $Q=2100\text{m}^3/\text{h}$; Cải tạo, nạo vét tuyến kênh tiêu chính dài 1440m, tuyến kênh tiêu nhánh dài 560m và các công trình trên kênh;
- Tổng mức đầu tư: 34.390 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Trong giai đoạn 2019-2020; Dự án đang xin chủ trương gia hạn.
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2023: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.032.486.299.012	337.849.540.640	2.388.627.000	1.105.995.147	1.958.315.878	1.375.788.777.677
- Nhận bán giao từ Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh	95.083.982.000	-	-	69.800.000	-	95.153.782.000
Số dư cuối năm	1.127.570.281.012	337.849.540.640	2.388.627.000	1.175.795.147	1.958.315.878	1.470.942.559.677
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	55.940.010.894	57.037.359.037	2.299.997.654	870.315.538	1.157.618.428	117.305.301.551
- Khấu hao trong năm	2.955.190.134	2.839.435.051	80.142.857	125.231.959	188.399.400	6.188.399.400
Số dư cuối năm	58.895.201.028	59.876.794.088	2.380.140.511	995.547.497	1.346.017.828	123.493.700.951
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	976.546.288.118	280.812.181.603	88.629.346	235.679.609	800.697.450	1.258.483.476.126
Tại ngày cuối năm	1.068.675.079.985	277.972.746.553	8.486.489	180.247.650	612.298.050	1.347.448.858.726

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 41.002.104.446 VND.

- Trong năm Công ty thực hiện ghi nhận hao mòn Tài sản cố định tương ứng với chi phí sửa chữa thực hiện từ nguồn khấu hao với số tiền là 6.000.000.000 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản cố định vô hình của Công ty là sáng kiến hút chân không đã khấu hao hết với nguyên giá là 304.466.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	50.000.000
	-	50.000.000

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Minh Phát	1.941.129.084	1.941.129.084	280.787.750	280.787.750
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Nam Việt	1.109.165.000	1.109.165.000	36.600.000	36.600.000
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Thành	63.200.000	63.200.000	921.591.000	921.591.000
Điện lực Bắc Ninh	798.934.863	798.934.863	849.144.431	849.144.431
Công ty TNHH Xây dựng Tiến Cường	2.902.664.640	2.902.664.640	965.219.122	965.219.122
Phải trả các đối tượng khác	5.296.082.290	5.296.082.290	5.320.053.399	5.320.053.399
	12.111.175.877	12.111.175.877	8.373.395.702	8.373.395.702

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	482.848.231	878.212.378	882.944.702	-	478.115.907
Thuế thu nhập cá nhân	2.442.839	-	26.662.109	26.869.982	2.650.712	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	709.771.785	709.771.785	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	147.361.999.000	146.599.283.027	-	762.715.973
	<u>2.442.839</u>	<u>482.848.231</u>	<u>148.986.645.272</u>	<u>148.228.869.496</u>	<u>2.650.712</u>	<u>1.240.831.880</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.878.000	349.560.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.476.722.456	4.639.001.744
Nhận ký quỹ, chi phí đội nguồn Công ty	4.384.517.042	4.083.268.341
Chi phí nguồn Ban QLCT	764.940.503	533.629.403
Chi phí phải trả của các Chi nhánh, Xi nghiệp	305.160.911	-
Trạm bơm mới	22.104.000	22.104.000
	5.521.600.456	4.988.561.744

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.190.209.964.788	814.143.568.819	2.004.353.533.607
Tăng vốn trong năm trước	84.400.075.559	118.958.801.991	203.358.877.550
Điều chuyển quyết toán hoàn thành	-	(79.773.350.559)	(79.773.350.559)
Số dư cuối năm trước	1.274.610.040.347	853.329.020.251	2.127.939.060.598
Tăng vốn trong năm nay (i)	83.709.703.000	57.546.493.986	141.256.196.986
Điều chuyển quyết toán hoàn thành	-	(92.478.863.000)	(92.478.863.000)
Số dư cuối năm	1.358.319.743.347	818.396.651.237	2.176.716.394.584

(i) Ghi nhận tăng vốn theo các Quyết định bàn giao tài sản từ UBND tỉnh Bắc Ninh và Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.
Trong đó: Giá trị tài sản tăng trong năm chưa có Quyết định phê duyệt của Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh là 69.800.000 đồng.

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	148.855.450.716	148.492.414.750
	148.855.450.716	148.492.414.750

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	139.049.527.196	139.129.769.694
	139.049.527.196	139.129.769.694

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	122.861.485	55.686.358
	122.861.485	55.686.358

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.540.500	119.180.000
Chi phí nhân công	7.986.523.259	8.041.435.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.231.958	242.173.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.624.111	224.609.395
Chi phí khác bằng tiền	1.170.746.785	1.313.875.011
	9.945.666.613	9.941.274.058

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý vật tư	-	515.000.000
Thu nhập cho thuê mặt bằng	31.090.908	41.454.544
Các khoản khác	21.670.700	21.670.700
	52.761.608	578.125.244

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuê bảo vệ trạm viễn thông	14.580.000	19.440.000
Các khoản khác	21.300.000	35.742.600
	35.880.000	55.182.600

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.888.992.000	1.913.469.800

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty

